

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013
CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2013	8 - 9
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013	11 - 12
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2013	13 - 43
7. Phụ lục	44 - 55

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu tổng hợp II trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2013 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty CP Xuất Nhập khẩu tổng hợp II (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; mã số doanh nghiệp **0301184833**, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11 tháng 8 năm 2011.

Vốn điều lệ : 27.500.000.000 Đồng

Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp (đồng)	Tỷ lệ
- Cổ đông Nhà nước	14.025.000.000	51%
- Các cổ đông khác	13.475.000.000	49%
Cộng	27.500.000.000	100%

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành : 2.750.000 Cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 Đồng/Cổ phiếu

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Thương mại, Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có:

Trụ sở chính

Địa chỉ: 212/1, Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 62 907 522 – 62 907 517

Fax : (08) 38 324 890

Mã số thuế: **0 3 0 1 1 8 4 8 3 3**

Website www.generalimex.com.vn

Các Chi nhánh của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp II – Xí nghiệp may Kimono

Địa chỉ: 212/1, Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp II – Trung tâm Xuất khẩu lao động và Dịch vụ

Địa chỉ: 66 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp II tại Hà Nội

Địa chỉ: 66 Phố Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mã chi nhánh 0301184833 - 009

4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp II tại Thành phố Pleiku, Gia Lai

Địa chỉ: 259A Phan Đình Phùng, Phường Yên Đổ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Mã chi nhánh 0301184833 - 010

5. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp II – Xí nghiệp Dệt len Tân Bình

Địa chỉ: 59 Chế Lan Viên, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

6. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp II – Xí nghiệp Dệt vớ

Địa chỉ: 59 Chế Lan Viên, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Cho đến thời điểm lập báo cáo này thì Xí nghiệp Dệt len Tân Bình, Xí nghiệp Dệt vớ đã không còn hoạt động; Chi nhánh Công ty tại Thành phố Pleiku, Gia Lai cũng tạm ngưng hoạt động kinh doanh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông bất thường năm 2013 số 02-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 9 năm 2013 đã miễn nhiệm 5 thành viên của Hội đồng quản trị cũ và bầu lại Hội đồng Quản trị mới cho nhiệm kỳ 2011-2016 từ ngày 05 tháng 9 năm 2013, như sau:

- | | | |
|--------|--------------------|----------------------------|
| 1. Bà | Nguyễn Thị Diệu | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 2. Ông | Đoàn Minh Thư | Thành viên |
| 3. Ông | Đỗ Tuấn Anh | Thành viên |
| 4. Bà | Chu Thị Phương Anh | Thành viên |
| 5. Ông | Bùi Vũ Quý | Thành viên |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

1. Ông Trần Hữu Hiệp Trưởng ban
2. Ông Chu Thế Hoàng Thành viên
3. Bà Lê Minh Thúy Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Đoàn Minh Thư Tổng Giám đốc - Là người đại diện theo pháp luật của công ty
2. Ông Bùi Thái Lang Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Tâm Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này, Công ty Tâm Việt bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty CP Xuất Nhập khẩu tổng hợp II được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 08 đến trang 43.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

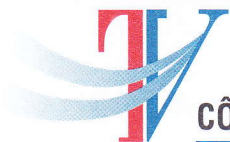
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán 2013 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty 



Tổng Giám đốc – Đoàn Minh Thu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2014



Số: 33/2014/BCKT/TV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu tổng hợp II, được lập ngày 21 tháng 3 năm 2014, từ trang 08 đến trang 43, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho việc đưa ra ý kiến của Kiểm toán viên.

Vấn đề có ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thông tin cần thiết về việc đối chiếu, xác nhận của các khoản nợ Phải thu khách hàng; Phải thu khác và Phải trả người bán nên chưa có đủ cơ sở chắc chắn để trình bày ý kiến về các khoản đã nêu.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến các chỉ tiêu có liên quan của Báo cáo tài chính vì các lý do nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Xuất Nhập khẩu tổng hợp II tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Vấn đề cần lưu ý

Công ty đã liên tục chịu lỗ, tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn đầu tư của chủ sở hữu là 27.500.000.000 đồng, nhưng khoản lỗ lũy kế là 217.751.335.748 Đồng, tình hình đã nêu có ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty phụ thuộc vào chiến lược kinh doanh, phương án cơ cấu lại tổ chức hoạt động cũng như việc Công ty có tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các chủ sở hữu và các bên hữu quan hay không.

Các Báo cáo tài chính đính kèm không bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh do các điểm bất ổn này, những ảnh hưởng có liên quan sẽ được ghi nhận sau này khi chúng được nhận biết và có thể xác định hay đánh giá được.

Công ty TNHH Kiểm toán Tâm Việt



Phó Giám đốc - Võ Công Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0486-2013-079-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2014

Kiểm toán viên – Huỳnh Hữu Phước

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 1762-2013-079-1

2358272
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU
KIỂM TOÁN
TÂM VIỆT
TP. HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. Tài sản ngắn hạn		33.934.187.885	48.422.685.458
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	17.700.516.838	15.370.518.059
111	1 Tiền		17.700.516.838	15.370.518.059
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	877.500.000	1.102.140.000
121	1 Đầu tư ngắn hạn		1.405.000.000	1.405.000.000
129	2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(527.500.000)	(302.860.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.017.389.712	23.436.666.865
131	1 Phải thu khách hàng	V.3	74.921.845.502	79.889.664.728
132	2 Trả trước cho người bán	V.4	58.577.498.959	58.626.475.534
135	5 Các khoản phải thu khác	V.5	5.250.730.432	5.408.741.772
139	6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(126.732.685.181)	(120.488.215.169)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	559.312.833	4.501.046.128
141	1 Hàng tồn kho		559.312.833	4.501.046.128
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.779.468.502	4.012.314.406
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8	-	174.593.715
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ	V.9	354.308.424	713.705.445
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	23.584.064	9.094.006
158	5 Tài sản ngắn hạn khác	V.11	2.401.576.014	3.114.921.240
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		33.267.135.812	34.628.136.609
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		29.196.351.946	30.232.274.935
221	1 Tài sản cố định hữu hình	V.12	5.990.663.478	6.554.430.503
222	- Nguyên giá		29.011.827.496	29.448.067.855
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.021.164.018)	(22.893.637.352)
227	3 Tài sản cố định vô hình	V.13	23.205.688.468	23.677.844.432
228	- Nguyên giá		26.203.315.882	26.223.315.882
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.997.627.414)	(2.545.471.450)
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.960.987.133	2.960.987.133
258	3 Đầu tư dài hạn khác	V.14	4.934.978.355	4.934.978.355
259	4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	V.14	(1.973.991.222)	(1.973.991.222)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.109.796.733	1.434.874.541
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	V.15	1.087.796.733	1.412.874.541
268	3 Tài sản dài hạn khác		22.000.000	22.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		67.201.323.697	83.050.822.067

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

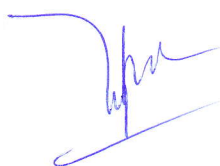
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		254.443.558.899	248.529.099.031
310	I. Nợ ngắn hạn		254.043.234.548	248.118.774.074
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	V.16	117.565.952.698	118.554.319.853
312	2 Phải trả người bán	V.17	12.073.554.985	19.085.606.139
313	3 Người mua trả tiền trước	V.18	16.306.878.163	16.259.430.160
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.19	23.066.807	409.633.162
315	5 Phải trả người lao động	V.20	378.031.818	178.629.334
316	6 Chi phí phải trả	V.21	70.892.563.810	45.683.649.044
319	9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.22	36.803.186.267	47.947.506.382
323	11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
330	II. Nợ dài hạn		400.324.351	410.324.957
337	7 Dự phòng phải trả dài hạn	V.23	33.139.793	48.598.782
338	8 Doanh thu chưa thực hiện	V.24	367.184.558	361.726.175
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(187.242.235.202)	(165.478.276.964)
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.25	(187.242.235.202)	(165.478.276.964)
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.1	27.500.000.000	27.500.000.000
417	7 Quỹ đầu tư phát triển	25.2	1.941.438.933	1.941.438.933
418	8 Quỹ dự phòng tài chính	25.3	1.067.661.613	1.067.661.613
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.4	(217.751.335.748)	(195.987.377.510)
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		67.201.323.697	83.050.822.067

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lý Thanh Thủy

Nguyễn Trí Hùng

Đoàn Minh Thư

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2013

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.26	53.569.252.179	73.548.545.674
2	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		433.665.000	-
10	3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.26	53.135.587.179	73.548.545.674
11	4 Giá vốn hàng bán	VI.27	37.970.273.845	58.333.300.525
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.165.313.334	15.215.245.149
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	VI.28	737.631.660	1.937.712.851
22	7 Chi phí tài chính	VI.29	19.038.357.782	30.404.856.144
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		24.984.570.810	27.589.909.369
24	8 Chi phí bán hàng	VI.30	4.040.349.399	4.335.249.609
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.31	15.196.099.100	22.810.673.568
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(22.371.861.287)	(40.397.821.321)
31	11 Thu nhập khác	VI.32	984.036.687	725.770.400
32	12 Chi phí khác	VI.33	270.493.637	432.238.714
40	13 Lợi nhuận khác		713.543.050	293.531.686
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(21.658.318.237)	(40.104.289.635)
51	15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.34	-	-
52	16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	2.845.047
60	17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		(21.658.318.237)	(40.107.134.682)
70	18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.35	(7.876)	(14.584)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lý Thanh Thùy

Nguyễn Trí Hùng

Đoàn Minh Thư

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

NĂM 2013

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	1 Lợi nhuận trước thuế		(21.658.318.237)	(40.104.289.635)
	2 Điều chỉnh cho các khoản			
2	- Khấu hao TSCĐ		1.674.164.868	1.696.494.859
3	- Các khoản dự phòng		6.469.110.012	12.927.254.092
4	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		693.679.009	-
5	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(748.015.277)	(1.525.566.272)
6	- Chi phí lãi vay	VI.29	24.984.570.810	27.589.909.369
8	3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.415.191.185	583.802.413
9	- Tăng, giảm các khoản phải thu		6.233.059.330	31.718.573.622
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		3.941.733.295	(1.924.642.501)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(18.081.743.787)	(21.094.190.361)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		499.671.523	460.433.782
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	(981.358.951)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(195.798.183)	(430.137.111)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.812.113.363	8.332.480.893
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(614.321.000)	(13.990.909)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		179.090.909	78.272.727
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		635.161.671	1.447.293.545
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		199.931.580	1.511.575.363

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
NĂM 2013

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	V.16	1.350.460.437	715.000.000
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay	V.16	(3.032.506.601)	(11.096.538.427)
35	5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.682.046.164)	(10.381.538.427)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.329.998.779	(537.482.171)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	15.370.518.059	15.908.000.230
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	17.700.516.838	15.370.518.059

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lý Thanh Thùy

Nguyễn Trí Hùng

Đoàn Minh Thư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2013 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu tổng hợp II (sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Loại hình doanh nghiệp : Công ty cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại - Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu

- Mua bán hàng nông sản, thiết bị vật tư ngành điện - điện tử - điện lạnh, vật liệu xây dựng;
- May gia công Kimono xuất khẩu;
- Dịch vụ xuất khẩu lao động, chuyên gia;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;

và một số ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính: Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Nguyên tắc ghi nhận của các chỉ tiêu Báo cáo tài chính

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

* Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

* Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp: Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp: Kê khai thường xuyên.

4. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng trở lên

(theo Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính)

4.1. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013, có hiệu lực thi hành từ ngày 10/6/2013 và áp dụng từ năm tài chính 2013, thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc và thiết bị	04 - 12
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

4.2. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định (TSCĐ) vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, doanh nghiệp có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

Nguyên giá TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng. Thời gian tính khấu hao của TSCĐ vô hình tối đa là 20 năm, trường hợp vượt 20 năm thì phải có bằng chứng tin cậy và xác định được.

TSCĐ vô hình của Công ty được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất (QSDĐ) được xác định là gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất);

Chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Nguyên giá phần mềm máy vi tính được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích là 05 năm.

5. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

6. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách.
- Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác là các khoản chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh mà thời gian hữu dụng của nó kéo dài trong nhiều kỳ kế toán và được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh. Phương pháp phân bổ theo đường thẳng và thời gian hữu dụng ước tính.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

9. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% tiền lương tính trên cơ sở mức lương đóng bảo hiểm xã hội. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

10. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá quy đổi

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối niên độ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối niên độ kế toán là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Xử lý chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ cuối niên độ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong niên độ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2013

12. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa sang người mua;
- b. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

❖ **Doanh thu từ tiền lãi, lợi nhuận được chia**

Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- a. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- b. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm

14. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế TNDN hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong niên độ kế toán (mẫu số).

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày ở Mục VII của Thuyết minh Báo cáo tài chính này.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	ĐVT: Đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
<i>Tiền mặt</i>	47.337.029	34.542.623
- Văn phòng Công ty	43.701.243	3.030.730
- Chi nhánh Hà Nội	3.635.786	31.511.893
- Chi nhánh Gia Lai	-	-
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	17.653.179.809	15.335.975.436
- Văn phòng Công ty	14.707.930.885	12.976.590.094
- Chi nhánh Hà Nội	48.232.663	113.409.486
- Chi nhánh Gia Lai	-	17.215.356
- Trung tâm xuất khẩu lao động	2.897.016.261	2.228.760.500
Cộng	17.700.516.838	15.370.518.059
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		
2.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1.405.000.000	1.405.000.000
2.2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(527.500.000)	(302.860.000)
Tổng cộng	877.500.000	1.102.140.000

Khoản đầu tư mua cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Mã chứng khoán: EIB) theo dõi tại Văn phòng Công ty:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cổ phiếu EIB (*)	70.200	1.405.000.000	70.200	1.405.000.000
- Dự phòng giảm giá cổ phiếu EIB		(527.500.000)		(302.860.000)
- Giá trị thuần	70.200	877.500.000	70.200	1.102.140.000

(*) Trong đó số lượng cổ phiếu EIB bị phong tỏa để thế chấp nhằm đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu là 50.000 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

3. Phải thu khách hàng

❖ Văn phòng Công ty	51.372.506.869	52.604.321.543
- <i>Nợ quá hạn khó đòi đã xem xét lập dự phòng</i>	46.254.684.270	46.689.698.160
- <i>Nợ trong hạn</i>	5.117.822.599	5.914.623.383
❖ Chi nhánh Hà Nội	20.419.335.082	24.155.339.634
- <i>Nợ quá hạn khó đòi đã xem xét lập dự phòng</i>	20.419.335.082	20.608.161.336
- <i>Nợ trong hạn</i>	0	3.547.178.298
❖ Chi nhánh Gia Lai	3.130.003.551	3.130.003.551
- <i>Nợ quá hạn khó đòi đã xem xét lập dự phòng</i>	2.331.588.440	2.331.588.440
- <i>Nợ trong hạn</i>	798.415.111	798.415.111
Tổng cộng	74.921.845.502	79.889.664.728
- Tổng Nợ quá hạn khó đòi đã lập dự phòng	69.005.607.792	69.629.447.936
- Tổng Nợ trong hạn	5.916.237.710	10.260.216.792

Chi tiết các khoản nợ phải thu tại các đơn vị như sau:

❖ Văn phòng Công ty	51.372.506.869	52.604.321.543
- Công ty CP TM DV và Máy tính VENR (*)	18.926.167.225	18.926.167.225
- Công ty CP Hương Vị Việt (*)	5.655.911.819	5.655.911.819
- Businessland International Trading Co (*)	4.013.100.000	4.013.100.000
- Công ty TNHH TM DV Xây dựng Toàn Thiện (*)	3.968.662.434	3.968.662.434
- Công ty CP Thực phẩm QT Phú Long Hải (*)	3.413.172.446	3.413.172.446
- Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	2.500.000.000	2.500.000.000
- Công ty CP Thực phẩm Thiên Vương (*)	2.195.001.026	2.295.001.026
- Công ty TNHH TM XNK Thành Lộc (*)	2.104.754.939	2.104.754.939
- International Center Co For Foodst	-	1.501.097.237
- Công ty TNHH TM SX Bửu Thành Phát (*)	1.495.855.554	1.495.855.554
- K'Station (*)	960.217.140	1.274.584.000
- Công ty CP Quốc tế MBA (*)	1.143.405.406	1.143.405.406
- Đối tượng khác	4.996.258.880	4.312.609.457
❖ Chi nhánh Hà Nội	20.419.335.082	24.155.339.634
- Công ty CP TM - DV Thép An Phát (*)	3.470.397.365	3.470.397.365
- Công ty TNHH Thuận Thiên Thành (*)	483.343.977	483.343.977
- Công ty TNHH Thiết bị Vật tư Hà Nội (*)	3.161.587.048	3.161.587.048
- Công ty TNHH ô tô Đông Phong (*)	9.107.726.487	9.107.726.487
- Công ty CP PT TM Quốc tế Thái Bình Dương (*)	3.525.881.000	3.525.881.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

- Công ty TNHH CN nhôm Thành Long	-	2.786.909.286
- Đối tượng khác (*)	670.399.205	1.619.494.471
❖ Chi nhánh Gia Lai	3.130.003.551	3.130.003.551
- Công ty TNHH Ban Mai	710.014.200	710.014.200
- Công ty CP XNK máy Hà Nội	88.400.911	88.400.911
- Công ty TNHH Tường Phát (*)	100.000.000	100.000.000
- Công ty TNHH Vạn Lợi (*)	2.231.588.440	2.231.588.440

(*) Nợ khó đòi đã lập dự phòng phải thu khó đòi.

4. Trả trước cho người bán

❖ Văn phòng Công ty	12.367.034.771	12.421.739.021
- Nợ quá hạn khó đòi đã xem xét lập dự phòng	12.367.034.771	11.643.897.772
- Nợ trong hạn	0	777.841.249
❖ Chi nhánh Hà Nội	46.126.389.922	46.120.662.247
- Nợ quá hạn khó đòi đã xem xét lập dự phòng	45.453.468.366	45.453.468.368
- Nợ trong hạn	672.921.556	667.193.879
❖ Chi nhánh Gia Lai	84.074.266	84.074.266
- Nợ quá hạn khó đòi đã xem xét lập dự phòng	84.074.266	84.074.266
- Nợ trong hạn	0	0
Tổng cộng	58.577.498.959	58.626.475.534
- Tổng Nợ quá hạn khó đòi đã lập dự phòng	57.904.577.403	57.181.440.406
- Tổng Nợ trong hạn	672.921.556	1.445.035.128

Chi tiết các khoản ứng trước cho nhà cung cấp tại các đơn vị như sau:

❖ Văn phòng Công ty	12.367.034.771	12.421.739.021
- Công ty TNHH Cà phê Hoàng Thiên (*)	676.205.870	676.205.870
- Công ty TNHH Hai Và Ba (*)	454.208.082	454.208.082
- Công ty TNHH Việt Phim (*)	431.255.515	431.255.515
- Công ty TNHH TM Đức Hạnh (*)	50.950.320	50.950.320
- Công ty TNHH Thuận Kiều (*)	9.224.202.381	9.224.202.381
- Fitton & Co Ltd., (*)	32.775.603	32.775.603
- Iar Agricultural Resources AG (*)	673.137.000	-
- Venr Singapore Pte. Ltd., (*)	715.020.000	715.020.000
- VPLS Phạm Ngọc Trung (*)	50.000.000	50.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

- Winmore Trading PYT Ltd., (*)	59.280.000	59.280.000
- Các đối tượng khác	-	727.841.250
❖ Chi nhánh Hà Nội	46.126.389.922	46.120.662.247
- Guangxi Candenly Import & Export Co.Ltd (**)	48.686.258	42.958.583
- Công ty TNHH Cà phê Hoàng Thiên (*)	4.699.638.435	4.699.638.435
- Công ty TNHH TM Tân Nghệ An (*)	17.808.925.102	17.808.925.102
- Công ty TNHH THIẾT BỊ Vật tư Hà Nội	2.399.275	2.399.275
- Công ty TNHH Việt Phong (*)	22.944.904.830	22.944.904.830
- Công ty CP Công nghệ Tinh hoa Châu Á (**)	59.917.500	59.917.500
- Công ty CP Xuất Nhập khẩu An Đạt	561.918.522	561.918.522
❖ Chi nhánh Gia Lai	84.074.266	84.074.266
- Công ty TNHH Tường Phát (*)	84.074.266	84.074.266

(*) Nợ khó đòi đã lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

(**) Khoản nợ trả trước tồn đọng nhiều năm chưa lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đang theo dõi tại Chi nhánh Hà Nội là **102.876.083 Đồng**, bao gồm:

- Công ty CP Công nghệ Tinh Hoa Châu Á	59.917.500	59.917.500
- Guangxi Candenly Import & Export Co., Ltd	42.958.583	42.958.583
Cộng	102.876.083	102.876.083

5. Các khoản phải thu khác

❖ Văn phòng Công ty	250.730.432	248.356.532
- Nợ tồn đọng	239.265.724	236.891.824
- Phải thu thuế TNCN của nhân viên	11.464.708	11.464.708
❖ Chi nhánh Hà Nội	5.000.000.000	5.160.385.240
- Đỗ Tuấn Anh	5.000.000.000	5.000.000.000
- Phải thu phòng xuất khẩu lao động	0	149.040.000
- Phải thu khác	0	11.345.240
Tổng cộng	5.250.730.432	5.408.741.772

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

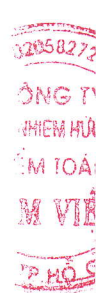
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Trích lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn khó đòi:

❖ Văn phòng Công ty	58.444.219.027	57.619.736.205
- Phải thu khách hàng	45.869.761.235	45.396.817.799
- Trả trước cho người bán	11.845.838.872	11.643.897.772
- Tài sản ngắn hạn khác (Tạm ứng)	728.618.920	579.020.634
❖ Chi nhánh Hà Nội	65.872.803.448	60.536.890.524
- Phải thu khách hàng	20.419.335.082	15.083.422.157
- Trả trước cho người bán	45.453.468.366	45.453.468.367
❖ Chi nhánh Gia Lai	2.415.662.706	2.331.588.440
- Phải thu khách hàng	2.331.588.440	2.331.588.440
- Trả trước cho người bán	84.074.266	0
Tổng cộng	126.732.685.181	120.488.215.169

Dự phòng nợ phải thu khó đòi tại các đơn vị như sau:

	Tỷ lệ dự phòng	Số cuối năm	Tỷ lệ dự phòng	Số đầu năm
❖ Văn phòng Công ty		58.444.219.027		57.619.736.205
- Công ty CP TM DV và Máy tính VENR	100%	18.926.167.225	100%	18.926.167.225
- Công ty CP Hương Vị Việt	100%	5.655.911.819	100%	5.655.911.819
- Businessland International Trading Co	100%	4.013.100.000	100%	4.013.100.000
- Công ty TNHH TM DV XD Toàn Thiện	100%	3.781.388.185	95%	3.781.388.185
- Công ty CP Thực phẩm QT Phú Long Hải	100%	3.413.172.446	100%	3.413.172.446
- Công ty CP Thực phẩm Thiên Vương	100%	2.195.001.026	100%	2.295.001.026
- Công ty TNHH TM XNK Thành Lộc	100%	2.104.754.939	70%	1.473.328.457
- Công ty TNHH TM SX Bửu Thành Phát	100%	1.495.855.554	100%	1.495.855.554
- K'Station	100%	960.217.140	100%	1.274.584.000
- Công ty CP Quốc tế MBA	100%	1.143.405.406	100%	1.143.405.406
- Công ty TNHH Thuận Kiều	100%	9.224.202.381	100%	9.224.202.381
- Công ty TNHH Cà phê Hoàng Thiên	100%	676.205.870	100%	676.205.870
- Các đối tượng khác		4.854.837.036		4.247.413.836



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

❖ Chi nhánh Hà Nội		65.872.803.448		60.536.890.524
- Công ty TNHH ô tô Đông Phong	100%	9.107.726.487	70%	6.655.408.541
- Công ty CP PT TM QT Thái Bình Dương	100%	3.525.881.000	50%	1.762.940.500
- Công ty CP TM DV Thép An Phát	100%	3.470.397.365	100%	3.470.397.365
- Công ty TNHH Thiết bị Vật tư Hà Nội	100%	3.161.587.048	71%	2.252.106.315
- Công ty TNHH Việt Phong	100%	22.944.904.830	100%	22.944.904.830
- Công ty TNHH TM Tân Nghệ An	100%	17.808.925.102	100%	17.808.925.102
- Công ty TNHH Cà phê Hoàng Thiên	100%	4.699.638.435	100%	4.699.638.435
- Các đối tượng khác		1.153.743.181		942.569.436
❖ Chi nhánh Gia Lai		2.315.662.706		2.331.588.440
- Công ty TNHH Vạn Lợi	100%	2.231.588.440	100%	2.231.588.440
- Công ty TNHH Tường Phát	100%	84.074.266	100%	100.000.000

7. Hàng tồn kho

- Chi phí SX, KD dở dang	-	3.522.774.383
- Thành phẩm	-	44.232.606
- Hàng hoá (*)	559.312.833	934.039.139
Cộng giá gốc hàng tồn kho	559.312.833	4.501.046.128

(*) Trong đó, lô hàng linh kiện máy tính (HDD box) trị giá **373.283.859 Đồng** tồn kho tại Văn phòng Công ty từ tháng 04/2011 chưa được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Bảo trì hệ thống máy tính, mạng, điện thoại nội bộ cty	21.818.182	-	21.818.182	-
- Vật tư nâng cấp và sửa chữa hệ thống máy vi tính	39.545.583	-	39.545.583	-
- Bảo trì máy móc XN BB	102.500.000	-	102.500.000	-
Phí bảo hiểm hàng nhập	8.006.000	8.973.000	16.979.000	-
- Chi phí trả trước khác	2.723.950	-	2.723.950	-
Cộng	174.593.715	8.973.000	183.566.715	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

9. Thuế GTGT được khấu trừ

Khoản thuế Giá trị gia tăng còn được khấu trừ đang theo dõi tại các đơn vị:

- Văn phòng Công ty	349.555.136	524.045.263
- Chi nhánh Hà Nội	4.753.288	189.660.182
Cộng	354.308.424	713.705.445

10. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước

Là số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước:

- Thuế Thu nhập cá nhân	22.921.516	5.763.326
- Các loại thuế khác	662.548	3.330.680
Cộng	23.584.064	9.094.006

11. Tài sản ngắn hạn khác

- Tài sản thiếu chờ xử lý	733.515.293	731.479.483
- Tạm ứng	1.591.433.096	2.274.050.806
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	76.627.625	109.390.951
Cộng	2.401.576.014	3.114.921.240



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

12. Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TS		Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Chỉ tiêu	Nguyên giá					
- Số đầu năm	23.304.745.425	3.112.877.809	2.168.788.736	861.655.885	29.448.067.855	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	704.479.182	-	-	-	704.479.182	
- Thanh lý, nhượng bán	-	89.356.809	27.062.326	606.910.155		
- Chuyển CCDC theo TT45	-	-	417.390.251	-	417.390.251	
- Số cuối năm	24.009.224.607	3.023.521.000	1.724.336.159	254.745.730	29.011.827.496	
Giá trị hao mòn						
- Số đầu năm	19.276.394.561	1.400.945.910	1.402.258.611	814.038.270	22.893.637.352	
- Khấu hao trong năm	538.809.689	526.002.439	115.089.390	28.940.694	1.208.842.212	
- Chuyển CCDC theo TT45	-	61.277.349	14.414.712	588.233.234		
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	417.390.251	-	417.390.251	
- Số cuối năm	19.815.204.250	1.865.671.000	1.085.543.038	254.745.730	23.021.164.018	
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	4.028.350.864	1.711.931.899	766.530.125	47.617.615	6.554.430.503	
- Tại ngày cuối năm	4.194.020.357	1.157.850.000	638.793.121	-	5.990.663.478	
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết vẫn còn sử dụng						
- Tại ngày đầu năm	13.588.607.304	478.984.809	759.527.328	636.646.968	15.463.766.409	
- Tại ngày cuối năm	13.588.607.304	450.521.000	751.202.208	222.948.151	15.013.278.663	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

Tài sản cố định hữu hình được theo dõi tại các đơn vị trực thuộc Công ty vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Bộ phận	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
- Văn phòng Công ty	28.084.358.899	(22.524.648.350)	5.559.710.549
- Chi nhánh Hà Nội	357.666.579	(357.666.579)	-
- Chi nhánh Gia Lai	569.802.018	(138.849.089)	430.952.929
Cộng	29.011.827.496	(23.021.164.018)	5.990.663.478

Một số Nhà cửa vật kiến trúc và Phương tiện vận tải đang được thế chấp để đảm bảo nợ vay tại các Ngân hàng (thuyết minh số 16).

13. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá				
- Số đầu năm		26.156.815.882	66.500.000	26.223.315.882
- Tăng trong năm		-	-	-
- Giảm trong năm		-	(20.000.000)	(20.000.000)
- Số cuối năm		26.156.815.882	46.500.000	26.203.315.882
Giá trị hao mòn				
- Số đầu năm		2.487.638.094	57.833.356	2.545.471.450
- Khấu hao trong năm		463.489.320	1.833.337	465.322.657
- Giảm trong năm		-	(13.166.693)	(13.166.693)
- Số cuối năm		2.951.127.414	46.500.000	2.997.627.414
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm		23.669.177.788	8.666.644	23.677.844.432
- Tại ngày cuối năm		23.205.688.468	-	23.205.688.468

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

Tài sản cố định vô hình được theo dõi tại các đơn vị trực thuộc Công ty vào thời điểm 31/12/2013 như sau:

Bộ phận		Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
- Văn phòng Công ty	(a)	23.220.965.882	(2.981.932.347)	20.239.033.535
- Chi nhánh Gia Lai	(b)	2.982.350.000	(15.695.067)	2.966.654.933
Cộng		26.203.315.882	(2.997.627.414)	23.205.688.468

(a) Quyền sử dụng đất (QSDĐ) tại số 66 đường Phó Đức Chính, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, khấu hao theo thời gian được cấp QSDĐ là 50 năm; Quyền sử dụng đất này đang được Công ty dùng để góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín xây dựng Tòa nhà Generalimex – Sacomreal.

(b) TSCĐ vô hình tại Chi nhánh Gia Lai bao gồm :

- QSDĐ lâu dài không trích khấu hao tại số 259A Đường Phan Đình Phùng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai;
- QSDĐ 5.100 m² đất nông nghiệp tại Ấp Tân Mỹ, Xã Xuân Bảo, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai, khấu hao theo thời gian được cấp QSDĐ là 37 năm;

Quyền sử dụng đất tại các khu đất trên đang được thế chấp để đảm bảo nợ vay tại các Ngân hàng (thuyết minh số 10).

14. Đầu tư tài chính dài hạn

- Đầu tư dài hạn khác	4.934.978.355	4.934.978.355
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.973.991.222)	(1.973.991.222)
Tổng cộng	2.960.987.133	2.960.987.133

Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua 5 căn hộ Him Lam Riverside tại Phường Tân Hưng, Quận 7, TP HCM của Công ty CP Kinh doanh Địa ốc Him Lam. Tổng trị giá 5 căn hộ theo 5 hợp đồng là 16.449.927.850 Đồng, số tiền Công ty đã thanh toán (đợt 1 và 2) đến ngày 31/12/2013 là **4.934.978.355** Đồng (tương đương 30% tổng giá trị hợp đồng).

Theo các Thông báo thanh toán của Công ty CP Kinh doanh Địa ốc Him Lam, Công ty đã trễ hạn trong việc thanh toán từ đợt 3 đến đợt 6 (hạn thanh toán từ tháng 12/2010 đến tháng 7/2011) với tổng số tiền chưa thanh toán : 7.237.968.254 Đồng, Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này theo số tiền phạt (12% trên tổng giá trị hợp đồng) do thanh toán không đúng tiến độ của hợp đồng là **1.973.991.222** Đồng.

Khoản đầu tư này đã được thế chấp để đảm bảo nợ vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

15. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
* Văn phòng Công ty	1.265.881.124	178.283.213	443.867.604	1.000.296.733
- Phí thẩm định các khu đất	200.000.000	48.181.818	-	248.181.818
- Chi phí đền bù hoa màu khu đất Chế Lan Viên	745.555.708	-	198.814.855	546.740.853
- Chi phí sửa chữa	30.303.030		12.121.212	18.181.818
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	290.022.386	130.101.395	232.931.537	187.192.244
* Chi nhánh Hà Nội	146.993.417	150.000.000	209.493.417	87.500.000
- Chi phí sửa chữa	7.500.000	150.000.000	70.000.000	87.500.000
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	139.493.417	-	139.493.417	-
Cộng	1.412.874.541	328.283.213	653.361.021	1.087.796.733

16. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Đánh giá lại Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
* Văn phòng Công ty	59.884.272.000	-	1.000.000.000	46.696.000	58.930.968.000
(a) Vay ACB	58.884.272.000	-	-	46.696.000	58.930.968.000
(b) Vay Công ty Nguyễn Kim	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	-
* Chi nhánh Hà Nội	56.962.111.520	1.350.460.437	2.032.506.601	646.983.009	56.927.048.365
(c) Vay NH NN&PT NT	48.384.111.520	-	397.513.525	646.983.009	48.633.581.004
(d) Vay đối tượng khác	8.578.000.000	1.350.460.437	1.634.993.076	-	8.293.467.361
* Chi nhánh Gia Lai	1.707.936.333	-	-	-	1.707.936.333
(e) Vay Techcombank	1.707.936.333	-	-	-	1.707.936.333
Cộng	118.554.319.853	1.350.460.437	3.032.506.601	693.679.009	117.565.952.698

[a] Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) theo các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn, lãi suất trong hạn theo từng thời điểm nhận nợ, bình quân từ 18% đến 27,5%/năm, tài sản đảm bảo tiền vay là Bất động sản tại số 66 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh; Bất động sản tại số 59 Chế Lan Viên, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM và 50.000 cổ phiếu Eximbank niêm yết tại Công ty Cổ phần Chứng Khoán Rồng Việt.

Nợ gốc vay tại ngày cuối năm là **55.145.000.000 Đồng** và **USD 179,600.00 tương đương 3.785.968.000 Đồng**. Đây là các khoản nợ quá hạn thanh toán phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

Theo Bản án số 173/2013/KDTM-PT ngày 14/10/2013 của Tòa Phúc thẩm Tòa án Nhân dân Tối cao Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Á Châu khoản tiền gốc là **55.145.000.000 đồng** và **USD 179,600.00** vào hạn cuối vào ngày **31/12/2013** và khoản lãi vay phát sinh là **37.744.346.603 Đồng** và **USD 29,622.00** (tính đến ngày 10/9/2013) vào hạn cuối cùng là ngày **30/09/2014**. Nếu đến hết ngày 31/12/2013 Công ty chưa thanh toán được khoản nợ gốc thì Ngân hàng TMCP Á Châu có quyền phát mãi các tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ vay.

Công ty đã trích bổ sung khoản chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 11/9/2013 đến ngày 31/12/2013 và khoản lãi vay phải trả đến ngày 31/12/2013 là **42.925.777.235 Đồng** và **USD 33,382.00** (xem Thuyết minh số 21).

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang tích cực thương lượng với ngân hàng về thời điểm thanh toán nợ để Công ty được tự bán các tài sản để thanh toán nợ vay.

[b] Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Nguyễn Kim theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐ2010 ngày 25/01/2010, số tiền vay 10.000.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, lãi suất vay theo lãi suất huy động tiền gửi cá nhân 01 tháng của Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam. Công ty đã thanh toán xong khoản vay trong năm 2013.

[c] Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn, lãi suất trong hạn theo từng thời điểm nhận nợ, bình quân 14%/năm đối với vay VND, từ 6,5% đến 7,5%/năm đối với vay USD, EUR; tài sản đảm bảo tiền vay là khoản đầu tư mua 5 căn hộ Him Lam Riverside tại Phường Tân Hưng, Quận 7, TP HCM. Đây là các khoản nợ quá hạn thanh toán phải chịu lãi suất quá hạn của ngân hàng. Công ty đã trích trước chi phí lãi vay theo lãi suất quá hạn phải trả ngân hàng (xem Thuyết minh số 21).

Nợ gốc vay tại ngày 31/12/2013 là :

16.686.078.720 Đồng và USD 1,094,598.10 tương đương 23.052.235.986 Đồng

EUR 325,653.00 tương đương 9.306.511.434 Đồng.

Các khoản nợ vay này Công ty đã tạm tính lãi vay phải trả theo lãi suất quá hạn của hợp đồng vay. Hiện nay Công ty và Ngân hàng NN & PTNT – Chi nhánh Hà Nội đang có sự tranh chấp về hợp đồng vay, Tòa án Quận Ba đình, Hà Nội đang thụ lý vụ kiện này.

Công ty sẽ điều chỉnh lại lãi vay quá hạn đã hạch toán vào chi phí lãi vay phải trả và trình bày lại vấn đề này vào Báo cáo tài chính khi nhận được phán quyết cuối cùng của Tòa án.

[d] Vay ngắn hạn các Công ty và các cá nhân

Bao gồm các vay không tính lãi hoặc có tính lãi vay với lãi suất từ 11% đến 19%/năm tùy theo từng Hợp đồng vay cụ thể.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

- [e] **Nợ vay đến hạn trả Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 81465/HĐTD/TH-PN/TCB-ĐSG ngày 23/11/2010, số tiền vay 2.900.000.000 Đồng, thời gian vay 29 tháng, tài sản đảm bảo là Thửa đất số 642, tờ bản đồ số 3, diện tích 5.100 m², tọa lạc tại ấp Tân Mỹ, Xã Xuân Bảo, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai, 1 xe ô tô của chi nhánh Gia Lai và 1 xe ô tô của Văn phòng Công ty. Công ty đã trích trước chi phí lãi vay phải trả ngân hàng theo lãi suất trong hạn là 23,5%/năm (xem Thuyết minh số 21).**

Hiện Công ty và Ngân hàng đang có sự tranh chấp về hợp đồng vay và Tòa án Nhân dân Quận 1 TP. Hồ Chí Minh đang thụ lý vụ kiện này.

Công ty sẽ điều chỉnh lại lãi vay đã hạch toán vào chi phí lãi vay phải trả nói trên và sẽ trình bày lại vấn đề này vào BCTC tại khi nhận được phán quyết cuối cùng của Tòa án.

17. Phải trả người bán

- Văn phòng Công ty	970.773.589	1.153.792.188
- Chi nhánh Hà Nội	9.782.074.168	16.611.106.723
- Chi nhánh Gia Lai	1.320.707.228	1.320.707.228
Cộng	12.073.554.985	19.085.606.139

Chi tiết các khoản phải trả cho nhà cung cấp tại các đơn vị như sau:

❖ Văn phòng Công ty	970.773.589	1.153.792.188
- Macro Power PTE Ltd., (*)	266.923.275	266.923.275
- Damaco Foods PTE Ltd., (*)	265.828.663	265.828.663
- Công ty TNHH BDO Việt Nam (*)	101.200.000	101.200.000
- Công nợ giai đoạn II (*)	100.000.000	100.000.000
- Công ty TNHH MTV DV Công ích Quận 9 (*)	24.666.667	24.666.667
- Doanh nghiệp Tư nhân Thanh (*)	23.156.500	23.156.500
- Công ty TNHH Nam Tín (*)	21.993.773	21.993.773
- Các đối tượng khác	167.004.711	350.023.310
❖ Chi nhánh Hà Nội	9.782.074.168	16.611.106.723
- Hekou Yafeng Trading Co.,LTD (*)	6.170.660.400	6.023.457.600
- Công ty TNHH CN nhôm Thành Long	-	1.798.768.105
- Công ty TNHH XNK Kim Cương (*)	1.194.000.000	1.194.000.000
- Công ty CP TM và cung cấp dịch vụ Tapro	722.552.496	5.831.703.606
- Công ty CP Sơn Hà Việt Nam (*)	721.994.214	721.994.214
- DNTN Trung Nhứt (*)	415.900.000	415.900.000
- Các đối tượng khác	556.967.058	625.283.198

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

❖ Chi nhánh Gia Lai		1.320.707.228	1.320.707.228
- Công ty CP XNK máy Hà Nội (*)		714.543.116	714.543.116
- Công ty TNHH Phương Quân (*)		264.077.000	264.077.000
- CN Công ty TNHH Phương Quân (*)		21.253.000	21.253.000
- DNTN Việt Hàn (*)		320.834.112	320.834.112
Tổng cộng		12.073.554.985	19.085.606.139

(*) Các khoản nợ tồn đọng.

18. Người mua trả tiền trước

- Văn phòng Công ty		10.918.613.278	10.872.016.000
- Chi nhánh Hà Nội		4.814.962.338	4.814.111.613
- Chi nhánh Gia Lai		573.302.547	573.302.547
Cộng		16.306.878.163	16.259.430.160

Chi tiết các khoản người mua ứng trước tại các đơn vị như sau:

❖ Văn phòng Công ty		10.918.613.278	10.872.016.000
- Café Du Brazil Ltd., (*)		572.016.000	572.016.000
- Công ty TNHH Bất động sản Kim Quy (*)		10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH MTV SX-TM Bách Khang		346.597.278	300.000.000
❖ Chi nhánh Hà Nội		4.814.962.338	4.814.111.613
- Triumph Sky Trading Ltd., (*)		3.542.495.610	3.541.645.275
- Công ty CP TM và cung cấp dịch vụ Tapro		403.018.704	403.018.704
- Công ty Cổ phần SXKD Phú Thiên Long (*)		133.779.232	133.779.232
- Công ty TNHH TM Tân Nghệ An (*)		105.229.552	105.229.552
- Công ty TNHH An Quý (*)		144.561.600	144.561.600
- Công ty TNHH Cường Hiệp (*)		100.000.000	100.000.000
- Các đối tượng khác		385.877.640	385.877.250
❖ Chi nhánh Gia Lai		573.302.547	573.302.547
- Saeed Al Gabri General Trading (*)		573.302.547	573.302.547
Tổng cộng		16.306.878.163	16.259.430.160

(*) Các khoản người mua ứng trước tồn đọng lâu chưa thanh lý.

Trong đó khoản Công ty nhận trước 10.000.000.000 Đồng của Công ty TNHH Bất động sản Kim Quy theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/TH-II/NK ngày 24/08/2009 để thực hiện dự án đầu tư xây dựng trung tâm thương mại tại số 37/5 Bế Văn Cẩm, Quận 7, Tp.HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2013

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế Giá trị gia tăng	3.959.507	355.925.444
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	706.200	706.200
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	11.464.708
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	18.401.100	41.536.810
Cộng	23.066.807	409.633.162

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế phải nộp : khấu trừ

Thuế suất áp dụng :

- 0% : Hàng xuất khẩu, dịch vụ xuất khẩu lao động
- 5% : Hạt điều nhân
- 10% : cho thuê mặt bằng, các loại hàng hóa và dịch vụ khác.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế TNDN : 25%

Tiền thuê đất

Công ty nộp theo các hợp đồng thuê đất và thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

20. Phải trả người lao động 378.031.818 178.629.334

Tiền lương, các khoản có tính chất lương và các khoản còn phải trả khác thuộc về thu nhập của người lao động tại Chi nhánh Hà Nội.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

21. Chi phí phải trả

- Văn phòng Công ty	43.919.188.795	27.034.014.336
- Chi nhánh Hà Nội	26.051.469.335	18.134.668.581
- Chi nhánh Gia Lai	921.905.680	514.966.127
Cộng	70.892.563.810	45.683.649.044

Chi tiết các chi phí phải trả tại các đơn vị như sau:

❖ Văn phòng Công ty	43.919.188.795	27.034.014.336
- Lãi vay phải trả Công ty Nguyễn Kim	56.794.000	56.794.000
- Lãi vay phải trả Ngân hàng ACB	43.629.469.795	26.968.639.292
- Tiền thuê đất	232.925.000	0
- Chi phí khác	0	8.581.044
❖ Chi nhánh Hà Nội	26.051.469.335	18.134.668.581
- Lãi vay phải trả Ngân hàng NN&PT NT	20.785.234.638	15.572.726.890
- Lãi vay phải trả các Doanh nghiệp, cá nhân	5.266.234.697	2.561.941.691
❖ Chi nhánh Gia Lai	921.905.680	514.966.127
- Lãi vay phải trả ngân hàng Techcombank	921.905.680	514.966.127
Tổng cộng	70.892.563.810	45.683.649.044

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.464.686.613	-
- Kinh phí công đoàn	46.858.828	33.162.138
- Bảo hiểm xã hội	101.021.631	60.543.798
- Bảo hiểm y tế	9.901.855	9.898.855
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.086.818	4.030.018
- Phải trả về cổ phần hoá (tiền bán CP Nhà Nước)	11.000.000.000	13.301.372.455
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.169.630.522	34.538.499.118
Cộng	36.803.186.267	47.947.506.382

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

Chi tiết các khoản phải trả khác tại các đơn vị như sau:

❖ Văn phòng Công ty	23.258.529.686	31.751.689.139
- Lãi chậm thanh toán cho SCIC (*)	13.386.121.018	20.490.510.143
- Ngân hàng Công Thương (Nợ giai đoạn 2)	4.584.517.974	4.584.517.974
- NH Ngoại thương – CN Tp.HCM (Nợ giai đoạn 2)	230.669.362	230.669.362
- NH Ngoại thương – CN Vũng Tàu (Giai đoạn 2)	225.783.975	225.783.975
- Công ty TNHH Điện lạnh Sài Gòn	180.000.000	180.000.000
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	1.017.900.000	1.017.900.000
- Trường Đại Học Hùng Vương Tp.HCM	346.905.000	346.905.000
- Thu chi hệ phí đào tạo XKLD	2.743.824.220	2.036.663.923
- Tiền đặt cọc của người lao động XKLD	180.000.000	2.380.000.000
- Cổ tức năm 2008, 2009	15.500.000	15.500.000
- Super Plastic Packaging Pte Ltd	170.765.072	170.765.072
- Các đối tượng khác	176.543.065	72.473.690
❖ Chi nhánh Hà Nội	809.794.939	2.685.504.082
- Lãi vay phải trả Phòng hợp tác lao động	560.607.500	560.607.500
- Lãi vay phải trả Công ty CP Tapro	134.433.111	134.433.111
- Thu chi hệ phí đào tạo, tiền đặt cọc XKLD	0	1.990.463.471
- Các đối tượng khác	114.754.328	
❖ Chi nhánh Gia Lai	101.305.897	101.305.897
Cộng	24.169.630.522	34.538.499.118

(*) Công ty điều chỉnh giảm khoản lãi chậm thanh toán cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) theo Công văn số 2276/ĐTKDV-TCKT ngày 14/10/2013. Lãi suất xác định cho các khoản chậm nộp được điều chỉnh lại theo công văn số 11603/BTC-TCĐN ngày 30/08/2013 của Bộ Tài chính về việc xử lý khoản chậm nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp & phát triển doanh nghiệp và Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty.

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn **33.139.793** **48.598.782**

Khoản dự phòng phải trả lại cho các thuyền viên tại Chi nhánh Hà Nội.

24. Doanh thu chưa thực hiện **367.184.558** **361.726.175**

Khoản thu trước tiền thuê văn phòng của Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

25. Vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Số cuối năm
25.1	Vốn đầu tư của CSH	27.500.000.000	-	27.500.000.000
25.2	Quỹ đầu tư phát triển	1.941.438.933	-	1.941.438.933
25.3	Quỹ dự phòng tài chính	1.067.661.613	-	1.067.661.613
25.4	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	(195.987.377.510)	(21.763.958.238)	(217.751.335.748)
	Tổng cộng	(165.478.276.964)	(21.763.958.238)	(187.242.235.202)

25.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn góp	Tỷ lệ vốn (%)
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	14.025.000.000	51,00%
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	7.024.100.000	25,54%
- Các cổ đông trong Công ty	5.727.700.000	20,83%
- Các cổ đông khác	723.200.000	2,63%
Cộng	27.500.000.000	100%

Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và đang lưu hành 2.750.000 cổ phiếu

25.4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (PP)

- Lợi nhuận năm trước	(195.987.377.510)	(155.811.442.795)
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	(21.658.318.237)	(40.107.134.682)
- Chi khen thưởng, phúc lợi trong năm	(105.640.001)	(68.800.033)
- Lợi nhuận năm nay chuyển năm sau	(21.763.958.238)	(40.175.934.715)
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển năm sau	(217.751.335.748)	(195.987.377.510)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng doanh thu	53.569.252.179	73.548.545.674
- Doanh thu bán hàng	39.748.787.509	59.905.207.423
- Doanh thu cho thuê kho, văn phòng	8.341.969.685	7.771.536.906
- Doanh thu XN Kimono	3.691.925.480	3.486.587.170
- Doanh thu Xuất khẩu lao động (XKLĐ)	1.786.569.505	2.356.353.175
- Doanh thu hàng XNK Ủy thác	-	25.021.000
- Doanh thu bán hàng nội bộ	-	3.840.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	433.665.000	-
* <i>Hàng bán trả lại</i>	<i>433.665.000</i>	-
Doanh thu thuần	53.135.587.179	73.548.545.674
Trong đó:	-	-
- Doanh thu bán hàng	39.315.122.509	59.909.047.423
- DT cho thuê kho, văn phòng	8.341.969.685	7.771.536.906
- Doanh thu XN Kimono	3.691.925.480	3.486.587.170
- Doanh thu XKLĐ	1.786.569.505	2.356.353.175
- Doanh thu hàng XNK Ủy thác	-	25.021.000
27. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	37.970.273.845	58.365.570.337
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(32.269.812)
Cộng	37.970.273.845	58.333.300.525
28. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	635.398.345	1.353.674.610
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	93.618.935
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	102.233.315	490.419.306
Cộng	737.631.660	1.937.712.851

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

29. Chi phí tài chính

- Lãi tiền vay	24.984.570.810	27.589.909.369
- Lãi trả chậm cho SCIC (*)	(7.104.389.125)	2.738.937.088
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	933.536.097	177.149.687
- Dự phòng giảm giá đầu tư NH-DH	224.640.000	(101.140.000)
Cộng	19.038.357.782	30.404.856.144

(*) Công ty điều chỉnh giảm khoản lãi chậm thanh toán cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) theo công văn số 2276/ĐTKDV-TCKT ngày 14/10/2013 (xem thuyết minh số 22).

30. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên	2.639.780.445	2.719.753.459
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	27.137.000	134.469.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	850.602.600	853.335.937
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	386.671.710	517.868.145
- Chi phí bằng tiền khác	136.157.644	109.823.068
Cộng	4.040.349.399	4.335.249.609

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	3.740.288.121	4.449.911.672
- Chi phí đồ dùng văn phòng	95.658.622	77.487.099
- Chi phí khấu hao TSCĐ	750.383.891	854.776.690
- Thuế, phí và lệ phí	1.000.000	1.205.000
- Chi phí dự phòng	5.427.485.590	13.120.085.231
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.819.777.971	2.717.007.833
- Chi phí bằng tiền khác	2.361.504.905	1.590.200.043
Cộng	15.196.099.100	22.810.673.568

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

32. Thu nhập khác

- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	179.090.909	78.272.727
- Thu tiền bồi thường, hỗ trợ	321.952.000	-
- Xử lý nợ	340.000.000	316.781.798
- Phí đào tạo xuất khẩu lao động, Thu nhập khác	142.993.778	330.715.875
Cộng	984.036.687	725.770.400

33. Chi phí khác

- Các khoản phạt	133.653.214	233.288.737
- Chi phí khác	136.840.423	198.949.977
Cộng	270.493.637	432.238.714

34. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(21.658.318.237)	(40.104.289.635)
Cộng chi phí không hợp lý theo Luật thuế	133.653.214	233.288.737
Tổng thu nhập chịu thuế	(21.524.665.023)	(39.871.000.898)
- Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết

Theo bản án phúc thẩm số 173/2013/KDTM-PT ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Tòa án Nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử buộc Công ty phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á Châu số nợ vay gốc và lãi là 92.889.346.603 đồng và 212.982,00 USD (Thời hạn thanh toán nợ gốc là ngày 31/12/2013 và lãi là 30/09/2014 (khoản tiền gốc là **55.145.000.000 đồng** và **USD 179,600.00** và khoản lãi vay phát sinh là **42.925.777.235 Đồng** và **USD 33,382.00** tính đến ngày 31/12/2013).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty đang tiến hành các thủ tục liên quan để khởi kiện Công ty IAR Agricultural Resources AG về việc lừa đảo chiếm đoạt số tiền hàng là: **USD 32.100,00** (tương đương 673.137.000 Đồng) mà Công ty đã ứng trước cho 2 hợp đồng số MOT/IAR/RCN/BEN/VN/293/2013-14 và MOT/IAR/RCN/BEN/VN/294/2013-14 cùng ngày 03 tháng 3 năm 2013.

3. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Công ty Mẹ, tỷ lệ vốn đầu tư chiếm 51% vốn điều lệ
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	Cổ đồng tỷ lệ vốn đầu tư chiếm 25,54% vốn điều lệ
- Ông Đỗ Tuấn Anh	Cổ đồng tỷ lệ vốn đầu tư chiếm 11,17% vốn điều lệ

Giao dịch với bên liên quan

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
❖ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước				
- Phải trả tiền bán cổ phần	13.301.372.455	-	2.301.372.455	11.000.000.000
- Lãi trả chậm tiền bán cổ phần	20.490.510.143	-	7.104.389.125	13.386.121.018
❖ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim				
- Nợ vay phải trả	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Lãi vay phải trả	56.794.000	-	-	56.794.000
❖ Ông Đỗ Tuấn Anh				
- Phải thu khác	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000

4. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2013

Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư hướng dẫn thực hiện các văn bản luật có hiệu lực trong năm 2013 sau đây:

- ❖ Thông tư số **45/2013/TT-BTC** ngày 25 tháng 4 năm 2013: "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng khấu hao tài sản cố định" và Quyết định số: 1173/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2013. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng từ năm tài chính 2013. Thông tư này thay thế Thông tư số **203/2009/TT-BTC** ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định."



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013

- ❖ Thông tư số **65/2013/TT-BTC** ngày 17 tháng 5 năm 2013: “Sửa đổi, bổ sung Thông tư 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, hướng dẫn thi hành Nghị định 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 và Nghị định 121/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.
- ❖ Thông tư số **89/2013/TT-BTC** ngày 28 tháng 6 năm 2013: “Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại DN”. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 7 năm 2013.
- ❖ Thông tư số **141/2013/TT-BTC** ngày 16 tháng 10 năm 2013: hướng dẫn thi hành Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ :Quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Giá trị gia tăng (GTGT). Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/11/2013 và áp dụng cho các kỳ khai thuế TNDN và thuế GTGT từ ngày 01/7/2013
- * Thông tư số **111/2013/TT-BTC** ngày 15 tháng 8 năm 2013: “Hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân”. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2013.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lý Thanh Thủy

Nguyễn Trí Hùng

Đoàn Minh Thư